TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17.4.2018.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1157/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26.02.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST- HNGĐ ngày 20.3.2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Cẩm V, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: xã X, huyện Y, Thành phố Z.
Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Thường trú: xã A, huyện B, tỉnh C.
Địa chỉ: xã X, huyện Y, Thành phố Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06.9.2017, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Đỗ Thị Cẩm V trình bày:

Vào năm 2002, bà và ông Nguyễn Thanh T có tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân xã A, huyện B, tỉnh C ngày 19.9.2002.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà vợ tại xã X, huyện Y, Thành phố Z. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tin tưởng và quan tâm chăm sóc xây dựng gia đình, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay.

Nay bà xác định tình cảm của bà đối với ông T không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24.02.2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12.5.2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông T không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Nguyễn Thanh T, Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Nguyễn Thanh T cư trú tại xã X, huyện Y, Thành phố Z nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh T không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tống đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T vẫn không có mặt. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Cẩm V có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C ngày 19.9.2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

* Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T có thời gian sống chung từ năm 2002, có đăng ký kết hôn và đã có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của bà V là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm lo lắng cho gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau, không tin tưởng và cùng nhau xây dựng gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và Thông báo phiên hòa giải theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông Nguyễn Thanh T không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Cẩm V và ông Nguyễn Thanh T đã trầm trọng, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc bà Đỗ Thị Cẩm V yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

* Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24.02.2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12.5.2014. Bà Vân yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống chung với bà. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Đỗ Thị Cẩm V phù hợp với nguyện vọng của trẻ đồng thời việc giao con chung cho bà Đỗ Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo được sự ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt nên yêu cầu này có cơ sở chấp nhận và ghi nhận việc bà không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh , Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Nguyễn Thanh T không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Cẩm V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Thị Cẩm V.

* Về quan hệ vợ chồng: Bà Đỗ Thị Cẩm V được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

* Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Thanh B, sinh ngày 24.02.2006 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12.5.2014.

Giao trẻ Thanh B và Kim N cho bà Đỗ Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm ngưng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh T cho đến khi có yêu cầu của bà Đỗ Thị Cẩm V.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí DSST: Bà Đỗ Thị Cẩm V chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0032901 ngày 25.10.2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Hoa